

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Hình thức đào tạo: Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: TTN

3. Địa chỉ các trụ sở

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Tây Nguyên	567 Lê Duẩn, Phường Ea Kao, Tỉnh Đắk Lắk

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.ttn.edu.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh

<https://tuyensinh.ttn.edu.vn/2026/04/01/quychetuyensinh2026/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02623.817.397; 096.516.4445

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

7.1. Chương trình đào tạo

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckdkdbelgd>

7.2. Ngành đào tạo

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckdkdbelgd>

7.3. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckdkdbelgd>

7.4. Cơ sở vật chất

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckdkdbelgd>

7.5. Quy mô đào tạo

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckckclgd>

7.6. Tỷ lệ sinh viên có việc làm

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/mthongbao/bacongkhai/ckckclgd>

7.7. Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành

<https://tuyensinh.ttn.edu.vn/2026/01/26/khtuyensinh2026/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên (gọi tắt là Quy chế tuyển sinh);

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Nguồn xét tuyển

Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30 (không bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng), áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh.

2.2. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Năm 2026, Trường Đại học Tây Nguyên sử dụng phương thức xét tuyển dành tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học đối với người học có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên như sau:

Mã Phương thức	Phương thức xét tuyển
501	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển

Cụ thể:

- Thang điểm xét tuyển: Thang điểm 30;

- Các tính điểm tổ hợp xét tuyển:

Điểm tổ hợp xét tuyển được quy đổi từ điểm trung bình chung học tập hệ số 10 sang thang điểm 30 theo công thức:

Điểm tổ hợp = Điểm trung bình chung hệ số 10 x 3

Trong trường hợp không xác định được điểm trung bình chung hệ số 10, điểm tổ hợp xét tuyển được xác định như sau:

Quy đổi từ điểm trung bình chung hệ số 4:

Điểm tổ hợp = Điểm trung bình chung hệ số 4 x 2,5 x 3

Quy đổi từ xếp loại tốt nghiệp (chỉ áp dụng trong trường hợp không xác định được điểm trung bình chung hệ số 10 và điểm trung bình chung hệ số 4):

Điểm tổ hợp = Điểm quy đổi x 3; trong đó điểm quy đổi được xác định theo bảng sau:

Xếp loại tốt nghiệp	Trung bình	Trung bình khá	Khá	Giỏi	Xuất sắc
Điểm quy đổi	5,00	6,50	7,00	8,00	9,00

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

3.1.1. Quy tắc quy đổi ngưỡng đầu vào giữa các phương thức tuyển sinh

Trong cùng một mã xét tuyển, ngưỡng đầu vào giữa các phương thức tuyển sinh là như nhau (độ lệch điểm bằng 0);

3.1.2. Quy tắc quy đổi ngưỡng đầu vào giữa các tổ hợp xét tuyển

Trong cùng một mã xét tuyển, ngưỡng đầu vào của các tổ hợp trong cùng một phương thức tuyển sinh là như nhau (độ lệch điểm bằng 0).

3.2. Điểm trúng tuyển

Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển thực hiện như quy tắc quy đổi ngưỡng đầu vào.

4. Số lượng tuyển sinh (dự kiến)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
I	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên						
1	7140201CD	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
2	7140201TC	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Liên thông từ Trung cấp
3	7140202CD	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
4	7140202TC	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Liên thông từ Trung cấp
II	Nhân văn						
5	7220201DH	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	50	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCDH)	Đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học
III	Kinh doanh và quản lý						
6	7340301CD	Kế toán	7340301	Kế toán	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
7	7340301TC	Kế toán	7340301	Kế toán	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Liên thông từ Trung cấp
8	7340301DH	Kế toán	7340301	Kế toán	20	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCDH)	Đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học
IV	Nông, lâm nghiệp và thủy sản						
9	7620110CD	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
10	7620110TC	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	10	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Liên thông từ Trung cấp
11	7620110DH	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCDH)	Đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
V	Thú y						
12	7640101CD	Thú y	7640101	Thú y	20	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
13	7640101TC	Thú y	7640101	Thú y	20	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Liên thông từ Trung cấp
14	7640101DH	Thú y	7640101	Thú y	10	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCDH)	Đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học
VI	Sức khỏe						
15	7720301CD	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
16	7720301TC	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	20	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Liên thông từ Trung cấp
17	7720601CD	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
18	7720601TC	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Đào tạo đối với người đã có bằng tốt nghiệp đại học
VII	Môi trường và bảo vệ môi trường						
19	7850103CD	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	10	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCCD)	Liên thông từ Cao đẳng
20	7850103TC	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	20	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCTC)	Liên thông từ Trung cấp
21	7850103DH	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	10	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển (TBCDH)	Liên thông từ Trung cấp

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

* Các điều kiện phụ trong tuyển sinh

- Đối với ngành Giáo dục mầm non: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên ngành Giáo dục mầm non;

- Đối với ngành Giáo dục tiểu học: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên ngành Giáo dục tiểu học;

- Đối với ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: Thí sinh có bằng trung cấp, cao đẳng khối ngành sức khỏe;

- Đối với ngành Kế toán: Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng khối ngành Kinh doanh và Quản lý (đối với đào tạo liên thông) hoặc có bằng tốt nghiệp đại học (đào tạo đối với người có bằng đại học trở lên);

- Đối với các ngành khác: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng (đối với đào tạo liên thông) hoặc Đại học (đào tạo đối với người có bằng đại học trở lên).

* Điều kiện so sánh

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn cho đến khi hết chỉ tiêu xét tuyển.

b. Điểm cộng

- Điểm thưởng: dành cho các đối tượng thí sinh sau:

STT	Thành tích	Điểm thưởng
1	Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển	
a	Thí sinh đạt giải nhất	3
b	Thí sinh đạt giải nhì	2.5
c	Thí sinh đạt giải ba	2
2	Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển.	
a	Thí sinh đạt giải nhất	3
b	Thí sinh đạt giải nhì	2.5
c	Thí sinh đạt giải ba	2
3	Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển.	2.5
4	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn	2.5

STT	Thành tích	Điểm thưởng
	thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển.	
5	Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.	
a	Thí sinh đạt giải nhất	3
b	Thí sinh đạt giải nhì	2.5
c	Thí sinh đạt giải ba	2

- Điểm xét thưởng: Dành cho các thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt, mức điểm xét thưởng được quy định như sau:

TT	Thành tích	Điểm xét thưởng
1	Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;	1.5
2	Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;	
a	Thí sinh đạt huy chương vàng	1.5
b	Thí sinh đạt huy chương bạc	1
c	Thí sinh đạt huy chương đồng	0.5
3	Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;	1.5
4	Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.	
a	Thí sinh đạt giải nhất	1.5
b	Thí sinh đạt giải nhì	1
c	Thí sinh đạt giải ba	0.5
5	Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (hoặc tương đương), thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.	
a	Thí sinh đạt giải nhất	1

TT	Thành tích	Điểm xét thưởng
b	Thí sinh đạt giải nhì	0.75
c	Thí sinh đạt giải ba	0.5

- Điểm khuyến khích: dành cho các thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

TT	Thành tích (theo bảng quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh quy đổi tại quy chế tuyển sinh)	Điểm xét thưởng
1	Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế quy đổi tương ứng với mức điểm từ 9,00 đến 10	1.5
2	Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế quy đổi tương ứng với mức điểm từ 8,00 đến 8,99	1
3	Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế quy đổi tương ứng với mức điểm từ 7,00 đến 7,99	0.5

- Trong trường hợp thí sinh được đạt được nhiều thành tích như trên, thí sinh chỉ được hưởng một mức điểm cộng cao nhất theo quy định;

- Các mức điểm cộng được quy định trong khoản này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

c. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo

d. Các thông tin khác

* Ngưỡng đầu vào

- Đối với Tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề áp dụng Khoản 1 Điều này hoặc:

+ Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10, trừ các trường hợp quy định dưới đây;

+ Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét

tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với chương trình đào tạo Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Tổng điểm 03 môn thi THPT theo quy định tại Khoản 2, 3 của Điều này không bao gồm điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng), điểm cộng theo quy định;

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, vận động viên kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc khi đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

+ Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình thuộc lĩnh vực pháp luật trừ các trường hợp quy định tại điểm b Khoản này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

+ Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các chương trình đào tạo Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Giáo dục Thể chất ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

- Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn, không áp dụng ngưỡng đầu vào.

* Tổ hợp xét tuyển

TT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn
I	Danh sách các tổ hợp môn áp dụng cho phương thức xét tuyển 501	
1	TBCTC	Điểm trung bình chung trình độ trung cấp

TT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn
2	TBCCD	Điểm trung bình chung trình độ cao đẳng
3	TBCDH	Điểm trung bình chung trình độ đại học

* Các tính điểm xét tuyển

- Điểm xét tuyển của thí sinh được xác định như sau:

Điểm xét tuyển = Điểm tổ hợp + Điểm ưu tiên + Điểm cộng;

- Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa đang theo thang điểm xét tuyển, trong trường hợp điểm xét tuyển của thí sinh vượt quá thang điểm xét tuyển thì điểm xét tuyển bằng điểm tối đa của thang xét tuyển.

* Một số thông tin khác

- Đối với điểm cộng: Thí sinh phải nộp minh chứng về trường Đại học Tây Nguyên theo thông báo và hướng dẫn của Nhà Trường, sau khi kết thúc thời gian theo thông báo, nếu thí sinh không nộp minh chứng Nhà trường xem như thí sinh từ chối được hưởng các quyền lợi này.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Nhà trường sẽ tổ chức 01 đợt tuyển sinh hệ vừa làm vừa học vào tháng 11/2026;

- Căn cứ vào số lượng hồ sơ dự tuyển, việc cân đối chi phí đào tạo; Lãnh đạo các Khoa xem xét, trình Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định việc tuyển sinh đối với các ngành đào tạo hệ Vừa làm vừa học;

- Cách đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định trong Quy chế tuyển sinh, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách theo quy định của quy chế tuyển sinh:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

- Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

- Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b Khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3. Các mức điểm ưu tiên này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên quy định tại mục 7.1 và 7.2

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng / hồ sơ (chỉ xét tuyển đối với các thí sinh đã nộp đầy đủ lệ phí xét tuyển);

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các cam kết đã thông báo đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro; Trong trường hợp xảy ra sai sót khách quan trong tuyển sinh, Nhà trường chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về chi phí đào tạo, mức thu học phí, và khoản thu dịch vụ khác

Học phí của Nhà trường được thu theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học, mức thu học phí được thông báo công khai vào đầu năm học trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Thí sinh có thể tham khảo mức thu học phí của trường trong những năm gần đây tại địa chỉ <https://www.ttn.edu.vn/index.php/pkhtctb> , mục “Thông báo”.

10.2. Chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính

10.3. Chỗ ở ký túc xá

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1	7140201CD	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	100	0	15	
2	7140201TC	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	29	4	15	
3	7140202CD	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	91	4	15	
4	7140202TC	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	20	0	15	
5	7220201DH	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	50	32	15	100	25	15	
6	7340301CD	Kế toán	7340301	Kế toán	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	50	10	15	
7	7340301TC	Kế toán	7340301	Kế toán	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung	20	0	15	30	2	15	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					học tập toàn khóa để xét tuyển							
8	7340301DH	Kế toán	7340301	Kế toán	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	30	2	15	
9	7620110CD	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	20	0	15	
10	7620110TC	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	10	0	15	20	0	15	
11	7620110DH	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	0	15	20	0	15	
12	7640101CD	Thú y	7640101	Thú y	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	20	3	15	10	9	15	
13	7640101TC	Thú y	7640101	Thú y	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	20	6	15	40	9	15	
14	7640101DH	Thú y	7640101	Thú y	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	10	8	15	5	3	15	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
15	7720301CD	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	4	15	60	7	15	
16	7720301TC	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	20	2	15	50	8	15	
17	7720601CD	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	30	11	15	60	10	15	
18	7720601TC	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	20	6	15	50	1	15	
19	7850103CD	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	10	0	15	10	3	15	
20	7850103TC	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	10	0	15	14	0	15	
21	7850103DH	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Phương thức xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung học tập toàn khóa để xét tuyển	10	0	15	5	3	15	

Cán bộ tuyển sinh



Nguyễn Trung Hiếu

Điện thoại: 0822.682.773

Email: tuyensinh6@ttn.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Nơi nhận:

- *Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;*
- *Các Khoa;*
- *Lưu VT, ĐT.*